

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2017/HSST
Ngày: 22-8-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Ngọc Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tám
2. Ông Vũ Hồng Điều

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuận – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 22 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 50/2017/HSST ngày 21 tháng 7 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2017/HSST-QĐ ngày 07 tháng 8 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn L, tên gọi khác: Không, sinh năm: 1990 tại Nghệ An; Nơi ĐKTT: Xóm 1A, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An; Chỗ ở hiện nay: Ấp B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 09/12; con ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị B; bản thân có vợ tên Vi Thị Y, có một con sinh năm 2017. Tiền án: Ngày 29/02/2012, bị TAND huyện B, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (ngày phạm tội: 19/9/2011). Ngày 26/4/2012, TAND thị xã S, tỉnh Phú Yên xử phạt phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (ngày phạm tội: 31/8 đến 12/9/2011). Tổng hợp hình phạt với bản án ngày 29/02/2012 buộc bị cáo L chấp hành hình phạt chung là 05 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/9/2011. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 27/01/2016. Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 07/5/2017, tạm giam từ ngày 10/5/2017 cho đến nay, có mặt.

2. Trần Văn G, tên gọi khác: B, sinh năm: 1995 tại Hà Tĩnh; Nơi ĐKTT: Xóm 1, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Chỗ ở hiện nay: 26/23A ấp B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Trần Văn B và bà Trần Thị H; Bản thân chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 07/5/2017, tạm giam từ ngày 10/5/2017 cho đến nay, có mặt.

- Người bị hại:

Hồ Văn Đ, sinh năm 1995

ĐKTT: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Hồ Văn H, sinh năm 1986

ĐKTT: Ấp 5, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

2. Nguyễn Thị X, sinh năm 1988

ĐKTT: Xóm 1A, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Số 51A/26 ấp B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương (có mặt).

3. Nguyễn Văn B, sinh năm 1993

ĐKTT: Xóm 1A, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo uỷ quyền: Nguyễn Thị X, sinh năm 1988

ĐKTT: Xóm 1A, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Số 51A/26 ấp B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương (có mặt).

(Văn bản uỷ quyền ngày 19/7/2017).

4. Hoàng Thị H, sinh năm 1988

ĐKTT: Ấp B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 06/5/2017, Nguyễn Văn L đi xe buýt từ thị xã D, tỉnh Bình Dương đến khu phố 9, thị trấn B, huyện B thăm bạn tên C, bị cáo L nhìn thấy kế bên phòng trọ của C nhà trọ của chị Nguyễn Thị Ngọc H có nhiều xe mô tô để trước các phòng, không có người quản lý, bị cáo L nảy sinh ý định trộm xe đem bán lấy tiền tiêu xài, nên bị cáo L đón xe buýt đi về D, bị cáo L chuẩn bị 01 bình xịt hơi cay, 01 bộ đoạn dùng để bẻ khóa xe. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, bị cáo L rủ Trần Văn G đi huyện B thăm C, bị cáo G đồng ý, sau đó bị cáo L đưa xe mô tô 37N1-108.24 cho bị cáo G điều khiển chở bị cáo L đi. Trên đường đi, bị cáo L nói cho bị cáo G biết là đi trộm cắp xe mô tô và rủ bị cáo G cùng trộm, thì bị cáo G đồng ý cùng đi. Đến khoảng 03 giờ rạng sáng ngày 07/5/2017, bị cáo G chở bị cáo L đến cách nhà trọ của chị H khoảng 200m dừng xe lại, bị cáo G đứng canh chừng bên ngoài, còn bị cáo L đi bộ vào khu nhà trọ đến xe mô tô biển số 66M1-229.35 đã được khóa cổ, bên trong cốp xe có 467.000đ của anh Hồ Văn Đ, bị cáo L dùng tay giật mạnh thì cổ xe lắc qua lại được, bị cáo L dắt xe đi ra khỏi khuôn viên nhà trọ được 90m hướng ra chỗ bị cáo G canh chừng, bị cáo

L dùng đoản bẻ khóa cổ xe nhưng không được, bị cáo L bỏ xe lại, thì bị lực lượng tuần tra Tổ 9, Phòng PC 45 Công an tỉnh Long An phát hiện lập biên bản vụ việc, bàn giao cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Bến Lức điều tra theo thẩm quyền.

Tại biên bản định giá tài sản số 12/BB-TCKH ngày 17/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bến Lức, kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ - đen, biển số 66M1-229.35, trị giá 10.800.000đ.

Tại cáo trạng số 54/QĐ-KSĐT ngày 19-7-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố các bị cáo Nguyễn Văn L, Trần Văn G về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo L có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Bị cáo G không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thật thà khai báo, biết ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, hiện hoàn cảnh gia đình các bị cáo gặp khó khăn nên xem xét giảm cho các bị cáo một phần về hình phạt. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Trần Văn G ngoài những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên, bị cáo còn có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác như mới phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tác động gia đình khắc phục hậu quả, bị cáo có ông nội Trần Văn Tvà ông ngoại Trần Quốc D tham gia cách mạng được tặng thưởng Huân chương, Huy chương. Do đó, cần cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn L, Trần Văn G phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20, Điều 53, Điều 45, Điều 33 Bộ luật hình sự xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn L từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 45, Điều 33 Bộ luật hình sự xử phạt:

Bị cáo Trần Văn G từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”, do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo không có thu nhập, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Hồ Văn Đ đã nhận lại xe mô tô 66M1-229.35 và số tiền 467.000 đồng, xe bị hư ổ khóa cổ, gia đình bị cáo bị cáo G đã bồi thường 1.000.000 đồng cho anh Đ, hiện anh Đ đã nhận tiền xong, có đơn bãi nại và không yêu cầu gì thêm nên không đề cập đến.

Về vật chứng:

- 01 xe mô tô biển số 66M1-229.35, nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, bên trong cốp xe có 467.000đ, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Hồ Văn Đ, cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Hồ Văn H. Xe này anh Đ mua lại của anh H chưa làm thủ tục sang tên, hiện cơ quan CSĐT đã trả cho chủ sở hữu là phù hợp.

- 01 xe mô tô biển số 37N1-108.24 , nhãn hiệu Honda, màu trắng-đen-bạc cùng giấy đăng ký xe tên Nguyễn Văn B là phương tiện bị cáo G chở bị cáo L đi trộm tài sản, xe này anh B cho chị Nguyễn Thị X và chưa làm thủ tục sang tên, bị cáo L hỏi mượn xe chị X đi dự sinh nhật, chị X không biết bị cáo L sử dụng xe giao cho bị cáo G chở bị cáo L đi trộm tài sản nên đề nghị trả lại cho chị X là phù hợp;

- 01 thanh đoản hình chữ “T” gồm một đoạn dài 12cm, 01 đoạn dài 04cm hình trụ, đường kính 08mm, trên thân có chữ TOP Germany CR-V, 01 đoản bằng kim loại, hình lục giác dài 07cm có 01 đầu dẹp trên thân có khắc chữ WHR, 01 bình xịt hơi cay đã qua sử dụng, 01 mỏ lết dài 15cm, 01 khóa lục giác dài 13cm, bị cáo bị cáo L mang theo để thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

- 01 giấy phép lái xe tên Nguyễn Văn L, 01 thẻ ATM tên Vi Thi M và 02 thẻ ATM tên Vi Thi Y do Nguyễn Văn L giao nộp, 01 ĐTDĐ Nokia RM-1035, màu đen, không có pin, 01 đồng hồ đeo tay màu vàng hiệu Sapphire bị cáo bị cáo L không sử dụng vào mục đích phạm tội nên đề nghị trả lại cho bị cáo bị cáo L phù hợp.

- 01 ĐTDĐ Masstel A130 màu đen, viền xanh dương đã qua sử dụng và 01 sim số 097.1842.338 của Trần Văn G, 01 giấy phép lái xe mang tên Trần Văn G bị cáo bị cáo G không sử dụng vào mục đích phạm tội nên đề nghị trả lại cho bị cáo bị cáo G là phù hợp.

(Vật chứng hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức đang tạm giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 26/QĐ-KSĐT ngày 17-7-2017 của Viện

kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 20-7-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức).

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Các bị cáo không tranh luận. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bến Lức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở khẳng định các bị cáo Nguyễn Văn L, Trần Văn G là người đã thành niên, có đủ sức khỏe làm việc để tạo thu nhập cho bản thân nhưng với bản tính tham lam, động cơ, mục đích vụ lợi nên các bị cáo đã nảy sinh ra ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài nên khoảng 03 giờ rạng sáng ngày 07/5/2017, Nguyễn Văn L giao xe mô tô biển số 37N1-108.24 cho bị cáo G điều khiển chở bị cáo L đi huyện B, Long An, trên đường đi bị cáo L rủ bị cáo G trộm xe mô tô bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, bị cáo G đồng ý và chở bị cáo L đi đến cách nhà trọ của chị Nguyễn Thị Ngọc H, khu phố 9, thị trấn B, huyện B khoảng 200m, bị cáo G dừng xe lại đứng bên ngoài cảnh giới, bị cáo L vào khu nhà trọ chị H lén lút lấy trộm của anh Hồ Văn Đ 01 xe mô tô biển số 66M1-229.35, trị giá 10.800.000đ, bên trong cốp xe có 467.000đ đã đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Xét thấy, hai bị cáo không có bàn bạc, cấu kết chặt chẽ với nhau nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn do đó Viện kiểm sát truy tố hai bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu, các bị cáo xác định cáo trạng truy tố các bị cáo là không oan sai, các

bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

Hành vi trái pháp luật của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, với bản tính tham lam, động cơ, mục đích vụ lợi, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức lao động của mình làm ra nên các bị cáo nảy sinh ra ý định chiếm đoạt tài sản của người khác bằng cách lấy tiền tiêu xài nhằm phục vụ thỏa mãn nhu cầu của bản thân.

Hành vi của các bị cáo thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo cũng thừa biết tài sản của người khác là do công sức lao động làm ra được pháp luật bảo vệ và bất khả xâm phạm khi chưa có sự đồng ý của chủ sở hữu. Các bị cáo cũng nhận biết việc lén lút lấy trộm tài sản của anh Đ là vi phạm pháp luật nhưng vì bản tính tham lam nên các bị cáo bất chấp chứng tỏ các bị cáo đã xem thường pháp luật. Hành vi của các bị cáo gây mất trật tự ở địa phương, làm cho nhân dân bất bình, hoang mang, lo sợ. Do đó cần phải xử lý bị cáo bằng một hình phạt thỏa đáng mới có thể giáo dục và phòng ngừa chung.

Nên xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo L có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Bị cáo G không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thật thà khai báo, biết ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, hiện hoàn cảnh gia đình các bị cáo gặp khó khăn nên xem xét giảm cho các bị cáo một phần về hình phạt nên xem xét giảm cho các bị cáo một phần về hình phạt. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Riêng bị cáo Trần Văn G ngoài những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên, bị cáo còn có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác như: Mới phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tác động gia đình khắc phục hậu quả, có ông nội Trần Văn T và ông ngoại Trần Quốc D tham gia cách mạng được tặng thưởng Huân chương, Huy chương. Do đó, cần cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, phải xem xét vai trò, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội cũng như nhân thân của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt cho phù hợp.

Bị cáo L là người khởi xướng, rủ rê và là người thực hành. Ngoài ra, bị cáo bị cáo L có hai tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích mà lại phạm tội mới.

Bị cáo G là người giúp sức tích cực.

Cũng cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có thể cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”, do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo không có thu nhập, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Hồ Văn Đ đã nhận lại xe mô tô 66M1-229.35 và số tiền 467.000đ, xe bị hư ổ khóa cổ, gia đình bị cáo G chị Hoàng Thị H đã bồi thường cho anh Đ 1.000.000 đồng, anh Đ đã nhận xong, không yêu cầu gì. Chị H không yêu cầu bị cáo G phải hoàn trả lại số tiền bồi thường nên không đề cập đến.

Về vật chứng:

- 01 xe mô tô biển số 66M1-229.35, nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, bên trong cốp xe có 467.000đ, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Hồ Văn Đ, cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Hồ Văn H. Xe này anh Đ mua lại của anh H chưa làm thủ tục sang tên, hiện cơ quan CSĐT đã trả cho chủ sở hữu là phù hợp;

- 01 xe mô tô biển số 37N1-108.24, nhãn hiệu Honda, màu trắng-đen-bạc cùng giấy đăng ký xe tên Nguyễn Văn B là phương tiện bị cáo G chở bị cáo L đi trộm tài sản, xe này anh B cho chị Nguyễn Thị X và chưa làm thủ tục sang tên, bị cáo L hỏi mượn xe X đi dự sinh nhật, X không biết bị cáo L sử dụng xe đi trộm tài sản nên hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị X là phù hợp;

- 01 thanh đoản hình chữ “T” gồm một đoạn dài 12cm, 01 đoạn dài 04cm hình trụ, đường kính 08mm, trên thân có chữ TOP Germany CR-V, 01 đoản bằng kim loại, hình lục giác dài 07cm có 01 đầu dẹp trên thân có khắc chữ WHR, 01 bình xịt hơi cay đã qua sử dụng, 01 mỏ lết dài 15cm, 01 khóa lục giác dài 13cm, bị cáo L mang theo để thực hiện hành vi phạm tội nên áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

- 01 giấy phép lái xe tên Nguyễn Văn L, 01 thẻ ATM tên Vi Thi M và 02 thẻ ATM tên Vi Thi Y, 01 ĐTDĐ Nokia RM-1035, màu đen, không có pin, 01 đồng hồ đeo tay màu vàng hiệu Sapphire bị cáo L không sử dụng vào mục đích phạm tội nên hoàn trả lại cho bị cáo L là phù hợp;

- 01 ĐTDĐ Masstel A130 màu đen, viền xanh dương đã qua sử dụng và 01 sim số 097.1842.338 của Trần Văn G, 01 giấy phép lái xe mang tên Trần Văn G bị cáo G không sử dụng vào mục đích phạm tội nên **hoàn** trả lại cho bị cáo G là phù hợp.

(Vật chứng hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức đang tạm giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 26/QĐ-KSĐT ngày 17-7-2017 của Viện

kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 20-7-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức).

Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn L, Trần Văn G phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20, Điều 53, Điều 45, Điều 33 Bộ luật hình sự xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn L 01 năm 03 tháng tù, thời gian tù được tính từ ngày 07/5/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 45, Điều 33 Bộ luật hình sự xử phạt:

Bị cáo Trần Văn G 06 tháng tù, thời gian tù được tính từ ngày 07/5/2017.

2. Áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam các bị cáo trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày 22-8-2017 để đảm bảo thi hành án.

3. Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 thanh đoản hình chữ “T” gồm một đoạn dài 12cm, 01 đoạn dài 04cm hình trụ, đường kính 08mm, trên thân có chữ TOP Germany CR-V, 01 đoản bằng kim loại, hình lục giác dài 07cm có 01 đầu dẹp trên thân có khắc chữ WHR, 01 bình xịt hơi cay đã qua sử dụng, 01 mỏ lách dài 15cm, 01 khóa lục giác dài 13cm.

Hoàn trả 01 xe mô tô biển số 37N1-108.24 , nhãn hiệu Honda, màu trắng-đen-bạc cùng giấy đăng ký xe tên Nguyễn Văn B cho chị Nguyễn Thị X;

Hoàn trả 01 giấy phép lái xe tên Nguyễn Văn L, 01 thẻ ATM tên Vi Thi M và 02 thẻ ATM tên Vi Thi Y, 01 ĐTDĐ Nokia RM-1035, màu đen, không có pin, 01 đồng hồ đeo tay màu vàng hiệu Sapphire cho bị cáo Nguyễn Văn L.

Hoàn trả 01 ĐTDĐ Masstel A130 màu đen, viền xanh dương đã qua sử dụng và 01 sim số 097.1842.338, 01 giấy phép lái xe mang tên Trần Văn G cho bị cáo Trần Văn G.

(Vật chứng hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức đang tạm giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 26/QĐ-KSĐT ngày 17-7-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 20-7-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức).

4. Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng(hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Bến Lức;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Bến Lức;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương Ngọc Thành